TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-5-2022
V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Mai Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Quốc Đạt

2. Ông Nguyễn Quang Vinh

- *Thư ký phiên toà:* Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1998. (Có mặt)

HKTT: Thôn B, xã Đ, huyện L, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Giáp Văn T, sinh năm 1991. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày*: Chị và anh Giáp Văn T trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang vào ngày 04/4/2018, có được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh T làm dâu và chung sống cùng gia đình anh. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc, đến giữa năm 2019 khi chị mang bầu thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T là người ham chơi, nhật nhẹt, vô tâm, bỏ bê chị một mình lo toan, gánh vác công việc

gia đình. Anh thường xuyên đi tối ngày để chị một mình chăm sóc con. Có lần chị ốm nhờ anh đi mua thuốc nhưng anh cũng không mua cho. Con bị ốm cũng một mình chị chăm. Anh không hề quan tâm đến vợ, con, gia đình. Không những vậy, anh T còn hay chơi lô đề, cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị đã khuyên bảo anh nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Vì nợ nần nên lương của anh đi làm chị cũng không biết anh được bao nhiêu, anh cũng không đưa lương cho chị để chi tiêu cho gia đình. Đến giữa năm 2021, chị phát hiện ra anh T vay ngân hàng nên vợ chồng cãi cọ nhau, chị đã cùng con về ngoại ở một thời gian. Sau anh T sang đón và động viên, nghĩ con còn nhỏ nên chị đồng ý quay về chung sống cùng anh. Nhưng anh T vẫn không thay đổi, sống vô tâm, không trách nhiệm với vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên căng thẳng, hay xảy ra to tiếng với nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 12/2021. Nay chị xác định bản thân không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, nên chị giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Giáp Tuấn Phong, sinh ngày 28/7/2019. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Hiện con dưới 36 tháng tuổi, bản thân chị có đủ điều kiện để nuôi con, hiện chị đi làm có thu nhập ổn định, sau khi ly hôn chị sẽ đưa con về ông, bà ngoại ở có nhà, chỗ ở ổn định và ông, bà sẽ hỗ trợ chăm sóc con những lúc chị đi làm.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Giáp Văn T trình bày:* Anh xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn giữa hai vợ chồng như chị V khai là đúng. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2019 là thời điểm chị V mang bầu và sinh con thì bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân là do từ năm 2017 anh có vay hộ một số người, sau họ không có tiền trả nên sau này lương hàng tháng làm được anh đều trả nợ cho khoản đó chứ thực chất anh không cờ bạc, nên anh không có tiền đưa cho vợ. Vì không muốn chị V lo lắng nên anh không nói chuyện nợ nần cho chị V biết. Khi chị V mang bầu và con nhỏ anh đi làm cả ngày nên cũng không có thời gian quan tâm đến vợ, con và cũng không có tiền để đưa cho vợ. Đến giữa năm 2021, anh làm thủ tục vay ngân hàng bằng lương để trả cho khoản nợ trước đây vì lãi suất ngân hàng thấp hơn. Chị V phát hiện ra anh vay ngân hàng nên vợ chồng cãi cọ nhau, chị V bế con về ngoại ở. Sau anh sang đón và động viên thì chị V đồng ý quay về chung sống cùng anh. Nhưng sau này do vẫn phải trả nợ nên anh không có tiền đưa cho vợ. Anh xác định từ khi vợ chồng lấy nhau do phải lo trả nợ nên không đưa tiền lương cho vợ chi tiêu. Nhưng hàng tháng anh có đưa cho bố mẹ một nửa tiền lương để lo chi tiêu gia đình (do vợ chồng ở với bố, mẹ). Do bản thân anh chưa tâm lý, không thường xuyên quan tâm với vợ, con và do bất đồng trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình, chị V thì cứ đòi anh đưa tiền nhưng anh không có, chỉ có một ít đưa cho bố, mẹ nên vợ chồng hay xảy ra to tiếng với nhau. Nguyên nhân chị V làm đơn ly hôn cũng là do nghi ngờ anh vay nợ, dù anh giải thích nhưng chị V cũng không tin. Vợ chồng ly thân được khoảng 2 tháng. Song bản thân anh thấy vẫn còn tình cảm với chị V, con còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị V có 01 con chung là Giáp Tuấn Phong, sinh ngày 28/7/2019. Anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Toà án giải quyết về nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, chị V giao nộp cho Toà án giấy xác nhận thu nhập có xác nhận của Công ty TNHH xuất nhập khẩu may Tiến Đạt và đơn trình bày của ông Nguyễn Văn Viên, bà Nguyễn Thị Thu Hường (bố, mẹ chị V) có xác nhận của UBND xã Thái Đào, huyện Lạng Giang.

* Ngày 21/4/2022, Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên đương sự giữ nguyên ý kiến.

* Tại phiên toà:

- Nguyên đơn Nguyễn Thị V: Giữ nguyên lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Chị đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) xem xét cho chị được ly hôn anh Giáp Văn T và giao con chung cho chị nuôi dưỡng (từ ngày 21/4/2022, chị đã cùng con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Thiếp Trì, xã Thái Đào sinh sống), không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung chị không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn Giáp Văn T: Giữ nguyên lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Anh xác định quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị V đã cho con về nhà ngoại ở kể từ ngày 21/4/2022 cho đến nay, trước đó vào giữa năm 2021 chị V cũng có lần bỏ về ngoại ở hơn 01 tuần. Song do con còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn, không yêu cầu giải quyết nuôi con chung và tài sản chung.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Cho chị V được ly hôn anh T; Về con chung: Giao cháu Giáp Tuấn Phong, sinh ngày 28/7/2019 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị V không yêu cầu; Về tài sản chung, công nợ chung: Do chị V, anh T đều xác định không có tài sản chung, công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị V làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lạng Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Giáp Văn T. Chị V khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp huyện nơi bị đơn cư trú giải quyết là đúng theo quy định pháp luật. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị V khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T, yêu cầu được nuôi con chung. Căn cứ Điều 51, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Lạng Giang thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

Về nội dung:

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị V và anh T đăng ký kết hôn ngày 04/4/2018 tại UBND xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nên xác định là hôn nhân giữa chị V và anh T là hợp pháp.

Quá trình chung sống, bản thân chị V và anh T đều xác định trong quan hệ hôn nhân, vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không quan tâm, chăm sóc vợ, con; vợ chồng không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn phát triển kinh tế gia đình; vợ chồng đã ly thân nhau một thời gian. Nay chị V xác định không còn tình cảm vợ chồng; anh T trình bày do con còn nhỏ nên muốn đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Do đó, có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị V được ly hôn anh T.

[4] Về quan hệ con chung: Chị V và anh T có 01 con chung là cháu Giáp Tuấn Phong, sinh ngày 28/7/2019, cháu Phong đang được chị V và ông bà ngoại chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị V có nguyện vọng được nuôi con chung sau khi ly hôn. HĐXX thấy: Tính đến ngày xét xử vụ án, cháu Phong dưới 36 tháng tuổi; chị V có việc làm, thu nhập ổn định; ông bà ngoại (bố, mẹ đẻ chị V) nhận trách nhiệm lo chỗ ở và cùng chị V chăm sóc cháu Phong. Bản thân anh T không đề nghị giải quyết nuôi con chung. Do đó, cần giao cháu Phong cho chị V nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị V không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung nên Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị V, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị V ly hôn anh Giáp Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Giáp Tuấn Phong, sinh ngày 28/7/2019, cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung do chị V không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012771 ngày 04/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị V đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị V, anh Giáp Văn T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Đại Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Mai Lan